

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

31/12/2011

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		243,488,041,462	241,037,666,168
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		10,409,739,375	31,528,658,579
1. Tiền	111	4.1	10,409,739,375	11,315,343,598
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	20,213,314,981
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	4.2	103,517,855,935	151,964,915,929
1. Phải thu khách hàng	131		69,999,252,276	89,650,617,666
2. Trả trước cho người bán	132		5,886,199,477	18,422,130,203
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		28,926,898,917	45,194,542,118
6. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1,294,494,735)	(1,302,374,058)
IV. Hàng tồn kho	140	4.3	126,252,344,333	54,453,802,691
1. Hàng tồn kho	141		126,252,344,333	54,453,802,691
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	4.4	3,308,101,819	3,090,288,969
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		19,964,772	234,899,337
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2,287,298,200	1,333,930,289
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1,000,838,847	1,521,459,343

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

31/12/2011

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	1/1/2011
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		81,859,942,071	79,947,508,407
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		4,679,899,464	2,068,846,494
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.5	4,679,899,464	2,068,846,494
- Nguyên giá	222		7,882,674,060	4,613,602,870
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3,202,774,596)	(2,544,756,376)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.6	-	-
III. Bất động sản đầu tư	240	4.7	802,108,000	802,108,000
- Nguyên giá	241		802,108,000	802,108,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	4.8	70,670,245,695	70,670,245,695
1. Đầu tư vào công ty con	251		70,410,245,695	70,410,245,695
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		260,000,000	260,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260	4.9	5,707,688,912	6,406,308,218
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		266,548,317	118,387,184
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		5,441,140,595	6,287,921,034
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		325,347,983,533	320,985,174,575

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

31/12/2011

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	1/1/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		186,103,047,755	184,798,207,423
I. Nợ ngắn hạn	310		137,604,072,332	135,708,066,663
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	4.10	735,160,000	7,123,519,758
2. Phải trả người bán	312	4.11	37,060,812,663	41,048,408,048
3. Người mua trả tiền trước	313	4.11	29,905,270,712	15,836,396,408
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.12	2,612,296,360	6,210,907,822
5. Phải trả người lao động	315	4.11	1,783,674,723	3,433,633,842
6. Chi phí phải trả	316	4.11	29,912,264,529	26,776,731,333
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	4.11	29,309,270,741	22,859,938,563
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	4.11	399,974,586	135,727,000
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	4.11	5,885,348,018	12,282,803,889
II. Nợ dài hạn	330		48,498,975,423	49,090,140,760
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	4.10	48,498,975,423	48,704,527,090
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	385,613,670
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		139,244,935,778	136,186,967,152
I. Vốn chủ sở hữu	410		139,244,935,778	136,186,967,152
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	4.13	80,000,000,000	80,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10,700,000,000	10,700,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		31,751,323,436	31,751,323,436
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		5,325,419,385	5,325,419,385
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

31/12/2011

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	4.14	11,468,192,957	8,410,224,331
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		325,347,983,533	320,985,174,575

Ngày 18 tháng 01 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc


ĐỖ THANH HỒNG


NGUYỄN HOÀNG SƠN


TRẦN HOÀNG HUÂN



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

31/12/2011

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

CHI TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm trước	Q4 năm 2011	Năm 2011
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		221,927,824,703	55,293,592,922	185,343,263,704
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		3,166,371,493		812,288,493
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		218,761,453,210	55,293,592,922	184,530,975,211
4.	Giá vốn hàng bán	11		172,272,860,266	49,743,017,331	171,314,513,578
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		46,488,592,944	5,550,575,591	13,216,461,633
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21		20,992,865,390	313,684,853	3,589,922,942
7.	Chi phí tài chính	22		2,107,148,896	375,768,283	2,850,067,148
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2,107,148,896	375,768,283	2,850,067,148
8.	Chi phí bán hàng	24		4,503,377,581	889,719,507	1,811,739,490
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9,600,856,813	2,506,493,070	9,350,740,765
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		51,270,075,044	2,092,279,584	2,793,837,172
11.	Thu nhập khác	31		7,317,198,488	517,419,291	1,361,901,207
12.	Chi phí khác	32		7,759,355,182	7,815,673	101,834,756
13.	Lợi nhuận khác	40		(442,156,694)	509,603,618	1,260,066,451
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		50,827,918,350	2,601,883,202	4,053,903,623
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		11,296,119,046	651,773,521	1,247,382,543
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		238,819,478	(589,430,108)	846,780,439
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		39,292,979,826	2,539,539,789	1,959,740,641
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70				

Ngày 18 tháng 01 năm 2012

Người lập

(Ký, họ tên)

Lu

Đỗ Thanh Hồng

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

nhx

Nguyễn Hoàng Sơn

Tổng giám đốc

(Ký, đóng dấu)



Trần Hoàng Huân

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

31/12/2011

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 31/12/2011	Từ 01/01/2010 đến 31/12/2010
I.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		4,053,903,623	50,827,918,350
2.	Điều chỉnh cho các khoản				
-	Khấu hao tài sản cố định	02		658,018,220	331,680,442
-	Các khoản dự phòng	03		(129,245,407)	(3,755,708,179)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(751,641)	(5,472,382)
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1,307,756,316)	(13,593,541,638)
-	Chi phí lãi vay	06		9,693,139,536	2,107,148,896
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		12,967,308,015	35,912,025,489
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		47,986,038,715	(19,290,534,909)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(71,798,541,642)	(11,206,676,868)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		26,732,007,469	(18,474,886,809)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		66,773,432	146,679,983
-	Tiền lãi vay đã trả	13		(9,693,139,536)	(2,107,148,896)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(4,971,848,786)	(7,692,234,967)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		521,372,137	
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	(4,972,210,828)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1,809,969,804	(27,684,987,805)
II.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3,269,071,190)	(624,241,981)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	5,000,000,000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(500,000,000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	1,343,440,000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		823,289,007	60,594,985
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2,445,782,183)	5,279,793,004
III.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	20,400,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

31/12/2011

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 31/12/2011	Từ 01/01/2010 đến 31/12/2010
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		39,990,509,392	30,727,054,881
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(44,650,220,817)	(29,013,546,618)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(1,934,200,000)	(9,335,978,500)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(13,889,195,400)	(6,300,000,000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(20,483,106,825)	6,477,529,763
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(21,118,919,204)	(15,927,665,038)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		31,528,658,579	47,456,323,617
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		10,409,739,375	31,528,658,579

Người lập

Kế toán trưởng

Mỹ Tho, ngày 16 tháng 01 năm 2012

Trưởng giám đốc

ĐỖ THANH HỒNG

NGUYỄN HOÀNG SƠN



TRẦN HOÀNG HUÂN